

Số/No: 161/2026/WSB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp
nhất bán niên năm 2026 đã soát xét)
(Information disclosure of Reviewed
Consolidated Financial Statements for
the first 6 months of 2026)

Cần Thơ, ngày 17 tháng 08 năm 2026

Can Tho, August 17 2026

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA SÀI
GÒN -
MIỀN TÂY**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN
TÂY, L=Quận Bình Thủy, ST=
CẦN THƠ, UID=
MST.1800588579
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.08.17
09:40:52
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2026.1.2

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange (HNX)**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose information of Reviewed Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2026 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company

– Mã chứng khoán: WSB

Stock code: WSB

– Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Thới An Đông, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Address: Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam

– Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222

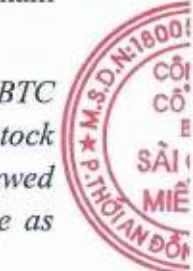
– Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

– BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét /The Reviewed Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);



Handwritten signature

☒ BCTC hợp nhất (CTNY có công ty con);

Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases in which the cause must be explained:

+ Tổ chức soát xét đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên được soát xét năm 2026):

The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (For the Reviewed 2026 semi-annual financial statements)

☐ Có/ Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có/ Yes

☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên được soát xét năm 2026):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (For the Reviewed 2026 semi-annual financial statements)

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year:

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/08/2026 tại đường dẫn: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

This information was published on the company's website on August 17, 2026 at the link: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét /The Reviewed Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2026

Đại diện tổ chức/Representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization



Lê Đăng Khoa



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY
WESTERN – SAIGON BEER
JOINT STOCK COMPANY**

Số/No.: 165/2026/WSB

Giải trình BCTC hợp nhất bán niên
năm 2026 đã soát xét

*Explanation of the Reviewed
Consolidated Financial Statements
for the first 6 months of 2026*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
*Independence - Freedom - Happiness***

Cần Thơ, ngày 17 tháng 08 năm 2026

Can Tho, August 17, 2026

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange (HNX)**

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: WSB
Stock code: WSB
- Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Thới An Đông, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
Address: Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam
- Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
- Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No.96/2020/TT-BTC guiding information disclosure on the stock market. Western - Saigon Beer Joint Stock Company explained the Reviewed Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2026 as follows:

Giải trình chênh lệch: lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét so với cùng kỳ tăng vì:

- Doanh thu tài chính tăng do lãi tiền gửi tăng;
- Giá nguyên liệu đầu vào tốt hơn làm giá vốn hàng bán tốt hơn;

Explanation of the variance: Profit after tax in the Reviewed Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2026 increased compared to the same period last year primarily due to:

- Financial income increased due to a rise in interest income from bank deposits;
- Decrease in raw material prices led to a reduction in the Cost of Goods Sold;

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu: Văn thư/Save at the Office.

Đại diện tổ chức/Representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBT
Legal Representative/Disclosure
Authorization



Lê Đăng Khoa



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

5703000144
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005
ngày 29 tháng 8 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 29 tháng 8 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester
Ông Trần Nguyên Trung
Ông Phạm Đình Hùng
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc
Bà Phạm Thị Thanh Thùy

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa
Ông Lê Thành Phúc

Giám đốc
Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Tiến Dũng
Bà Trần Thị Loan Anh
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Tan Teck Chuan Lester
Ông Lê Đăng Khoa

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Thới An Đông
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 

Lê Đăng Khoa
Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00400-26-2



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		647.135.016.435	577.630.220.883
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	107.493.317.566	83.835.812.196
Tiền	111		258.317.566	99.812.196
Các khoản tương đương tiền	112		107.235.000.000	83.736.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		386.350.919.479	324.051.184.658
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	386.350.919.479	324.051.184.658
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.025.493.668	107.428.055.461
Phải thu của khách hàng	131	11	70.539.120.089	104.887.955.075
Trả trước cho người bán	132		2.158.489.800	2.309.077.582
Phải thu ngắn hạn khác	135	12	1.327.883.779	231.022.804
Hàng tồn kho	140	13	77.897.061.251	61.401.830.173
Hàng tồn kho	141		79.363.860.431	62.470.944.371
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.466.799.180)	(1.069.114.198)
Tài sản ngắn hạn khác	160		1.368.224.471	913.338.395
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		1.368.224.471	913.338.395

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		307.103.562.458	358.701.119.174
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	6.000.000
Phải thu dài hạn khác	215		-	6.000.000
Tài sản cố định	220		205.879.471.045	234.406.283.414
Tài sản cố định hữu hình	221	14	205.879.471.045	234.406.283.414
Nguyên giá	222		1.040.892.066.704	1.038.640.491.954
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(835.012.595.659)	(804.234.208.540)
Bất động sản đầu tư	240	15	1.872.193.610	1.952.430.476
Nguyên giá	241		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.139.649.760)	(2.059.412.894)
Tài sản dở dang dài hạn	250		14.160.685.892	15.725.040.510
Xây dựng cơ bản dở dang	252	16	14.160.685.892	15.725.040.510
Đầu tư tài chính dài hạn	260		61.601.834.360	86.229.025.270
Đầu tư vào công ty liên kết	262	10(c)	36.186.588.904	35.693.020.281
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10(c)	13.980.715.400	13.980.715.400
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	10(c)	(2.380.154.876)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265	10(b)	13.814.684.932	36.555.289.589
Tài sản dài hạn khác	270		23.589.377.551	20.382.339.504
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	17	21.711.948.039	18.184.223.415
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		1.877.429.512	2.198.116.089
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		954.238.578.893	936.331.340.057

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		158.144.683.653	151.177.004.401
Nợ ngắn hạn	310		152.434.491.823	145.538.540.001
Phải trả người bán	311	18	16.593.045.676	7.941.304.679
Người mua trả tiền trước	312		6.360.294	5.880.294
Phải trả cổ tức	313	19	6.174.452.808	5.771.602.808
Thuế phải nộp Nhà nước	314	20	105.269.175.092	105.571.128.946
Phải trả người lao động	315		1.810.005.510	3.495.271.847
Chi phí phải trả	316	21	10.022.812.470	7.687.298.116
Phải trả ngắn hạn khác	320		4.747.014.277	5.308.154.121
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	22	7.811.625.696	9.757.899.190
Nợ dài hạn	330		5.710.191.830	5.638.464.400
Phải trả dài hạn khác	338		258.798.400	52.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	343	23	5.451.393.430	5.585.964.400
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	24	796.093.895.240	785.154.335.656
Vốn cổ phần	411	25	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		432.082.949.932	421.143.390.348
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	420a		377.728.521.443	359.115.348.217
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	420b		54.354.428.489	62.028.042.131
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		954.238.578.893	936.331.340.057

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Dương Thị Thúy Hồng
Kế toán

Người duyệt:

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu	01	29	506.739.704.597	519.274.755.509
Giá vốn	11	30	443.735.100.834	464.751.144.077
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		63.004.603.763	54.523.611.432
Doanh thu hoạt động tài chính	22	31	14.883.556.961	11.263.826.734
Chi phí tài chính	23		2.380.154.876	-
Chi phí bán hàng	25		486.198.966	639.640.150
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	10.423.649.115	10.401.912.895
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	27	10(c)	493.568.623	(86.592.468)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27}	30		65.091.726.390	54.659.292.653
Thu nhập khác	31		115.770.747	252.649.748
Chi phí khác	32		363.490.601	315.808.484
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(247.719.854)	(63.158.736)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		64.844.006.536	54.596.133.917
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	6.007.668.611	4.322.628.868
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	320.686.577	384.406.707
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		58.515.651.348	49.889.098.342
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	3.768	3.225

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Dương Thị Thúy Hồng
Kế toán

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Khoa
Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		64.844.006.536	54.596.133.917
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		31.438.278.374	32.513.834.633
Các khoản dự phòng	03		2.798.794.858	(163.530.983)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(13.937.653.461)	(11.263.826.734)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(4.875.721)	(198.935.780)
Thu nhập từ cổ tức	05		(945.903.500)	-
Phần (lãi)/lỗ trong công ty liên kết	05		(493.568.623)	86.592.468
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		83.699.078.463	75.570.267.521
Biến động các khoản phải thu	09		35.766.347.379	23.130.427.394
Biến động hàng tồn kho	10		(16.892.916.060)	28.552.022.347
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		10.365.737.816	46.166.600.144
Biến động chi phí chờ phân bổ	12		(4.092.235.923)	529.177.646
			108.846.011.675	173.948.495.052
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.703.688.250)	(3.369.183.400)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.901.168.369)	(7.270.309.575)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		96.241.155.056	163.309.002.077

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.880.346.618)	(10.715.344.085)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		4.875.721	210.853.343
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(189.620.000.000)	(162.280.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		153.180.000.000	147.380.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		10.828.971.211	9.412.150.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.486.499.686)	(15.992.340.692)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền chi trả cổ tức	36		(43.097.150.000)	(43.106.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.097.150.000)	(43.106.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		23.657.505.370	104.209.911.385
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		83.835.812.196	69.803.995.008
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	107.493.317.566	174.013.906.393

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Dương Thị Thúy Hồng
Kế toán

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Phan Đăng Khoa
Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát và để xuất khẩu; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

Các hoạt động chính của công ty con được trình bày tại Thuyết minh 1(d).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2026: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2026	1/1/2026
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có 199 nhân viên (1/1/2026: 198 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Nhóm Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(d)(i));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(l)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ các khoản mục được đề cập tại Thuyết minh số 3.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu lãi liên quan. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu này được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác (Thuyết minh số 4(e)).

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như được đề cập tại Thuyết minh số 4(d)(i), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công sức bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 38 năm
máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
thiết bị văn phòng và các tài sản khác	3 – 20 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 8 – 25 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo luật và quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai và két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VNĐ và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh số 4(l)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác.

(l) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của cổ đông được xác lập và nghĩa vụ chi trả cổ tức của Công ty không còn phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào.

Như được đề cập tại Thuyết minh số 4(k), từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí sản xuất và kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, thì các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

5. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban lãnh đạo đánh giá rằng các lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Nhóm Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng	258.317.566	99.812.196
Các khoản tương đương tiền (*)	107.235.000.000	83.736.000.000
	107.493.317.566	83.835.812.196

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 4,75% một năm (1/1/2026: 4,75% một năm).

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

Tên ngân hàng	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam		
– Chi nhánh 4	54.959.000.000	28.593.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam		
– Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn	22.121.000.000	30.953.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam		
– Chi nhánh Kỳ Đồng	15.200.000.000	16.232.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
– Chi nhánh Sở Giao Dịch 2	9.870.000.000	7.958.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam		
– Chi nhánh Tây Cần Thơ	5.085.000.000	-
	107.235.000.000	83.736.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	109.289.284.821	91.090.123.178
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn	103.199.974.274	69.140.859.508
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	82.628.093.262	61.829.524.439
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2	58.315.141.917	101.990.677.533
Khác	32.918.425.205	-
	386.350.919.479	324.051.184.658

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 8,1% một năm (1/1/2026: từ 5,0% đến 6,7% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Cần Thơ	9.414.684.932	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	4.400.000.000	33.355.013.425
Khác	-	3.200.276.164
	13.814.684.932	36.555.289.589

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 8,0% một năm (1/1/2026: 6,7% đến 7,2% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư tài chính – dài hạn

	30/6/2026					1/1/2026				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/ giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:										
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	36.186.588.904	-	12.350.738.400	2.402.400	20,00%	35.693.020.281	-	17.161.144.000
Đơn vị khác:										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	(2.380.154.876)	11.600.560.524	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			<u>50.167.304.304</u>	<u>(2.380.154.876)</u>				<u>49.673.735.681</u>	<u>-</u>	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết.

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	35.693.020.281	36.804.842.743
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	493.568.623	(86.592.468)
Số dư cuối kỳ	36.186.588.904	36.718.250.275

11. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	69.738.519.516	102.143.795.780
Các khách hàng khác	800.600.573	2.744.159.295
	70.539.120.089	104.887.955.075

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	69.738.519.516	102.143.795.780
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	347.177.292	521.950.004
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	21.972.099	10.491.521
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	1.425.971.976

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải thu cổ tức	945.903.500	-
Phải thu lãi tiền gửi	205.293.179	215.743.959
Phải thu khác	176.687.100	15.278.845
	1.327.883.779	231.022.804

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	122.200.000	-
Nguyên vật liệu	44.544.151.712	-	23.154.240.146	-
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	4.682.531.085	(1.466.799.180)	5.288.017.349	(1.069.114.198)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.691.151.594	-	19.446.109.796	-
Sản phẩm	11.437.483.600	-	14.445.481.720	-
Hàng hóa	8.542.440	-	14.895.360	-
	79.363.860.431	(1.466.799.180)	62.470.944.371	(1.069.114.198)

Nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc thù của từng hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn như sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy hoạt động, v.v.), nhằm đảm bảo việc xác định giá thành sản phẩm được phản ánh hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã xác định một số mặt hàng tồn kho có dấu hiệu chậm luân chuyển và quyết định trích lập dự phòng cho hàng tồn kho này theo các quy định hiện hành và các chính sách nội bộ được áp dụng.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 1.467 triệu VND (1/1/2026: 1.069 triệu VND) phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	1.069.114.198	1.412.392.180
Dự phòng trích lập trong kỳ	980.602.269	241.327.402
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(582.917.287)	(404.858.385)
Số dư cuối kỳ	1.466.799.180	1.248.861.197

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	191.066.926.401	816.944.730.699	15.520.060.212	15.108.774.642	1.038.640.491.954
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.504.320.815	-	-	1.504.320.815
Tăng trong kỳ	-	812.900.000	-	281.271.000	1.094.171.000
Thanh lý	-	(346.917.065)	-	-	(346.917.065)
Số dư cuối kỳ	191.066.926.401	818.915.034.449	15.520.060.212	15.390.045.642	1.040.892.066.704
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	110.007.429.280	666.913.314.277	13.959.766.545	13.353.698.438	804.234.208.540
Khấu hao trong kỳ	3.821.412.331	26.798.051.004	405.037.587	100.803.262	31.125.304.184
Thanh lý	-	(346.917.065)	-	-	(346.917.065)
Số dư cuối kỳ	113.828.841.611	693.364.448.216	14.364.804.132	13.454.501.700	835.012.595.659
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	81.059.497.121	150.031.416.422	1.560.293.667	1.755.076.204	234.406.283.414
Số dư cuối kỳ	77.238.084.790	125.550.586.233	1.155.256.080	1.935.543.942	205.879.471.045

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá là 163.000 triệu VND (1/1/2026: 157.475 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng (được trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nhà xưởng phân xưởng chiết và nhà kho thành phẩm	30.425.668.691	31.767.788.351
Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái	19.057.878.990	19.672.221.720
Khác	156.395.923.364	182.966.273.343
	205.879.471.045	234.406.283.414

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.059.412.894
Khấu hao trong kỳ	80.236.866
Số dư cuối kỳ	2.139.649.760
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.952.430.476
Số dư cuối kỳ	1.872.193.610

Các bất động sản đầu tư cho thuê chủ yếu (được trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Căn hộ Carina Plaza	1.872.193.610	1.952.430.476

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	15.725.040.510	13.657.078.670
Tăng trong kỳ	63.078.298	5.924.263.730
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.504.320.815)	(2.055.833.593)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ	(123.112.101)	-
Số dư cuối kỳ	14.160.685.892	17.525.508.807

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng cho dự án nhà máy mới	12.632.749.763	12.632.749.763
Lắp đặt thiết bị bơm nhiệt	-	1.085.000.000
Khác	1.527.936.129	2.007.290.747
	14.160.685.892	15.725.040.510

17. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Tiền thuê đất	Bao bì	Công cụ và	
	trả trước	luân chuyển	dụng cụ	Tổng
	VND	VND	và khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.295.463.407	429.821.454	8.458.938.554	18.184.223.415
Tăng trong kỳ	-	5.238.247.040	1.291.456.835	6.529.703.875
Phân bổ trong kỳ	(232.737.324)	(274.453.300)	(2.494.788.627)	(3.001.979.251)
Số dư cuối kỳ	9.062.726.083	5.393.615.194	7.255.606.762	21.711.948.039

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	12.148.411.269	-
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	1.284.343.500	1.908.280.160
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Anh Châu	861.094.734	1.098.452.902
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	410.706.859	1.026.365.026
Các nhà cung cấp khác	1.888.489.314	3.908.206.591
	16.593.045.676	7.941.304.679

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	12.148.411.269	-
<i>Các công ty liên quan</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ Khí Sa Be Co	410.706.859	1.026.365.026
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	7.846.985	59.607.745

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

19. Phải trả cổ tức

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Cổ tức chi trả bằng tiền mặt (*)	5.477.592.808	5.496.542.808
Cổ tức chi trả bằng tiền mặt	696.860.000	275.060.000
	6.174.452.808	5.771.602.808

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả cổ tức này phản ánh các khoản cổ tức chưa được nhận bởi một số cổ đông thiểu số.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã căn trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.174.900.850	494.549.861.877	(493.955.222.344)	-	87.769.540.383
Thuế giá trị gia tăng	12.753.868.989	99.754.835.457	(70.050.975.906)	(30.513.765.210)	11.943.963.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.390.274.473	6.007.668.611	(6.703.688.250)	-	3.694.254.834
Thuế thu nhập cá nhân	68.765.017	967.621.768	(949.949.665)	-	86.437.120
Tiền thuế đất	1.183.319.617	1.183.319.616	(591.659.808)	-	1.774.979.425
Các loại thuế khác	-	4.953.291	(4.953.291)	-	-
	105.571.128.946	602.468.260.620	(572.256.449.264)	(30.513.765.210)	105.269.175.092

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí sửa chữa và bảo trì	1.138.279.110	664.478.526
Chi phí công nghệ thông tin	1.134.963.244	490.980.000
Chi phí môi trường và xử lý nước thải	938.733.437	528.306.648
Tiền thuê đất và phí cơ sở hạ tầng	755.897.820	104.071.964
Chi phí hội nghị và hội họp	679.270.421	1.149.964.451
Chi phí xây dựng	555.000.000	1.640.000.000
Khác	4.820.668.438	3.109.496.527
	10.022.812.470	7.687.298.116

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	VND
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.757.899.190	9.320.197.361
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 24)	3.884.500.000	3.206.065.547
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	(85.131.095)	1.199.845.415
Sử dụng trong kỳ	(5.745.642.399)	(7.174.274.681)
Số dư cuối kỳ	7.811.625.696	6.551.833.642

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.585.964.400	5.681.999.294
Dự phòng lập trong kỳ	20.955.000	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(155.525.970)	(96.034.894)
Số dư cuối kỳ	5.451.393.430	5.585.964.400

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	145.000.000.000	219.010.945.308	403.815.193.632	767.826.138.940
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	49.889.098.342	49.889.098.342
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(3.206.065.547)	(3.206.065.547)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (Thuyết minh 22)	-	-	(1.199.845.415)	(1.199.845.415)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(163.190.736)	(163.190.736)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	145.000.000.000	219.010.945.308	405.635.190.276	769.646.135.584
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	47.961.885.512	47.961.885.512
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.206.065.548)	(3.206.065.548)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(247.619.892)	(247.619.892)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	145.000.000.000	219.010.945.308	421.143.390.348	785.154.335.656
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	58.515.651.348	58.515.651.348
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(3.884.500.000)	(3.884.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (Thuyết minh 22)	-	-	85.131.095	85.131.095
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(276.722.859)	(276.722.859)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	145.000.000.000	219.010.945.308	432.082.949.932	796.093.895.240

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 3 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2025 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2024).

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.045.264.882	2.046.123.453
Từ hai đến năm năm	10.045.772.019	10.529.772.125
Sau năm năm	89.614.773.781	90.471.178.849
	101.705.810.682	103.047.074.427

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026	1/1/2026
			VND	VND
Thuê đất	4	32 - 50 năm	101.705.810.682	103.047.074.427

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Đã được phê duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.447.000.000	1.029.230.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2026 Số lượng	1/1/2026 Số lượng
Chai	Chai	1.657.296	1.875.704
Két	Cái	1.738	-
Lon nhôm	Cái	-	13.442.814
Nắp lon nhôm	Cái	-	13.128.566

29. Doanh thu

Tổng doanh thu chủ yếu thể hiện tổng giá trị thành phẩm đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	498.751.126.357	506.579.990.686
▪ Cung cấp dịch vụ	1.461.839.141	1.419.916.506
▪ Doanh thu cho thuê	95.454.546	107.454.546
▪ Doanh thu khác	6.431.284.553	11.167.393.771
	506.739.704.597	519.274.755.509

30. Giá vốn

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	442.295.658.041	463.164.512.458
Dịch vụ đã cung cấp	772.641.824	906.463.017
Chi phí từ hoạt động cho thuê	80.236.866	83.445.852
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	397.684.982	(163.530.983)
Giá vốn khác	188.879.121	760.253.733
	443.735.100.834	464.751.144.077

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	13.937.653.461	11.263.826.734
Thu nhập từ cổ tức	945.903.500	-
	14.883.556.961	11.263.826.734

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.037.621.347	5.860.544.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	949.287.084	1.088.997.450
Chi phí khấu hao	435.629.438	444.417.918
Chi phí khác	3.001.111.246	3.007.953.117
	10.423.649.115	10.401.912.895

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	360.849.281.477	384.103.339.579
Chi phí nhân công và nhân viên	28.808.487.570	27.485.259.486
Chi phí khấu hao và phân bổ	31.438.278.374	32.513.834.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.728.403.288	18.856.882.320
Chi phí khác	14.820.498.206	12.833.381.104

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	6.030.107.717	4.319.831.868
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(22.439.106)	2.797.000
	6.007.668.611	4.322.628.868
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	320.686.577	384.406.707
	6.328.355.188	4.707.035.575

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.844.006.536	54.596.133.917
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.968.801.307	10.919.226.783
Thu nhập được miễn thuế	(287.894.425)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	144.631.744	169.357.741
Ưu đãi thuế	(2.283.640.363)	(2.090.988.709)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập khác	242.544.410	238.296.368
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(4.860.914.444)	(4.474.008.251)
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	427.266.065	(57.645.357)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(22.439.106)	2.797.000
	6.328.355.188	4.707.035.575

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(ii) Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng (“Công ty con”)

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và theo mức thuế suất thu nhập thông thường trong các năm tiếp theo. Đồng thời, Công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	58.515.651.348	49.889.098.342
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.884.500.000)	(3.120.934.452)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	54.631.151.348	46.768.163.890

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Điều chỉnh lại (*))	30/6/2025 VND (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.768	3.225	3.220

(*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh số trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi như đề cập ở trên.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	992.030.946.760	993.170.968.620
Bán vật liệu bao bì	13.500.000	-
Cung cấp dịch vụ	149.760.000	76.041.160
Mua nguyên vật liệu	353.546.503.909	329.369.328.676
Cổ tức đã trả	37.551.150.000	37.551.150.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	827.496.178	1.257.222.827
Mua bao bì luân chuyển	5.036.951.040	-
Thanh lý bao bì luân chuyển	574.950.000	798.000.000
Phí sử dụng bao bì	9.267.069	30.777.912

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua tài sản cố định	3.594.505.144	2.604.441.000
Mua dịch vụ	468.398.148	210.190.000
Mua công cụ và dụng cụ	102.859.120	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán hàng hóa	1.270.041.474	-
Cung cấp dịch vụ	45.962.840	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Cung cấp dịch vụ	-	1.551.355
Mua hàng hóa	611.693.980	880.776.390
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Cung cấp dịch vụ	210.345.700	60.760.800
Mua hàng hóa	-	3.866.667
Cổ tức đã nhận	945.903.500	-
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	195.579.010	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cung cấp dịch vụ	133.760.823	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	95.340.000	146.096.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	69.936.364	129.638.889
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam		
Bán phế liệu	-	1.345.275.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Hội đồng quản trị		
Thù lao		
Ông Tan Teck Chuan Lester	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Nguyên Trung	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Đình Hùng	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	42.000.000	42.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Thùy	42.000.000	21.000.000
Bà Toeh Jia Ee	-	21.000.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao	90.000.000	90.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.514.874.930	1.254.767.910

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	709.732.680	-

38. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty đã áp dụng Thông tư 99 và Thông tư 43. Theo đó, một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Mã số	1/1/2026 (phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	324.051.184.658	315.410.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	36.555.289.589	36.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	231.022.804	8.927.497.051
Phải trả cổ tức	313	5.771.602.808	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.308.154.121	11.079.756.929

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 (phân loại lại) VND	30/6/2025 (theo báo cáo trước đây) VND
Khấu hao và phân bổ	02	32.513.834.633	32.281.097.309
Biến động chi phí chờ phân bổ	12	529.177.646	761.914.970

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Dương Thị Thúy Hồng
Kế toán

Người duyệt:

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật

